

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST

Ngày 29-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng tư vấn du học

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Hiệp và ông Trần Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:
Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tư vấn du học*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại và Nguồn nhân lực H; địa chỉ: Số 10 đường C, khối 02, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân H1; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Th; địa chỉ: Số 10 đường C, khối 02, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 06-3-2023*) – *Có mặt.*

- Bị đơn: Bà Lê Thị T; địa chỉ: Thôn X 01, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn H2; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X 01, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ cuối cùng: Số 165, S, G, G, Korean – *Được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06-3-2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại và Nguồn nhân lực H và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 22-3-2021, Công ty TNHH Thương mại và Nguồn nhân lực H (*viết tắt là Công ty*) ký kết Hợp đồng tư vấn du học số: 12/2021/TVDH để tư vấn cho anh

Lê Văn H2 đi du học tại Hàn Quốc. Ngày 17-6-2021, giữa Công ty và bà Lê Thị T (mẹ anh H2) ký kết hợp đồng bảo lãnh về việc bà T bảo lãnh cho việc thực hiện nghĩa vụ của anh H2 đối với Công ty phát sinh từ hợp đồng tư vấn du học.

Quá trình tư vấn, Công ty đã phổ biến cho anh H2 về quyền, nghĩa vụ của du học sinh và người bảo lãnh cho du học sinh, quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm hợp đồng khi du học sinh có hành vi bỏ học, bỏ trốn khỏi nơi đang học tập tại Hàn Quốc. Công ty đã hướng dẫn hồ sơ, thủ tục xuất nhập cảnh cho anh H2 và anh H2 đã sang Hàn Quốc bắt đầu khóa học tại Trường Đại học Nữ sinh K từ ngày 21-6-2021.

Ngày 20-10-2022, Trường Đại học Nữ sinh K có thông báo về việc anh H2 tự ý bỏ học, bỏ trốn từ ngày 23-9-2022 nhằm cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc. Nhà trường và Công ty đã nhiều lần tìm kiếm thông tin liên lạc với anh H2 nhưng không có kết quả. Cùng ngày 20-10-2022, Công ty có văn bản thông báo cho bà T về việc anh H2 bỏ trốn để phối hợp cùng Công ty và nhà trường liên lạc với anh H2 quay lại trường tiếp tục học tập nhưng bà T không hợp tác.

Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải bồi thường cho Công ty số tiền 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tư vấn du học số: 12/2021/TVDH ngày 22-3-2021, Hợp đồng bảo lãnh ngày 17-6-2021 và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày Công ty có văn bản thông báo về việc du học sinh bỏ học đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Ngày 22-3-2021, giữa anh H2 và Công ty có ký kết hợp đồng tư vấn du học về việc Công ty sẽ tư vấn cho anh H2 đi du học tại Hàn Quốc. Ngày 17-6-2021, bà ký hợp đồng bảo lãnh cho việc thực hiện các nghĩa vụ của anh H2 phát sinh từ hợp đồng tư vấn du học với Công ty, giá trị bảo lãnh là 200.00.000 đồng. Các thủ tục để anh H2 sang Hàn Quốc là do Công ty thực hiện. Công ty có báo với bà mức chi phí đi du học khoảng hơn 200.000.000 đồng và bà đã chuyển số tiền này nhiều lần cho anh H2 để nộp cho Công ty. Ngày 27-6-2021, anh H2 bắt đầu bay sang Hàn Quốc, khoảng 01 năm đầu anh H2 thường xuyên liên lạc về với gia đình, tuy nhiên cách đây khoảng gần 01 năm thì anh H2 không còn liên lạc, gia đình bà không biết hiện nay anh H2 đang ở đâu.

Bà ký vào hợp đồng bảo lãnh vì nghe anh H2 nói sau khi anh H2 học xong thì Công ty sẽ trả lại cho bà số tiền bà đã nộp cho Công ty chứ bà không hiểu rõ về hợp đồng bảo lãnh. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty, đề nghị Tòa án không chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn H2 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh H2 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng

xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung vụ án, phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 335, điều 336, khoản 1 Điều 339, khoản 1 Điều 340 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại và Nguồn nhân lực H: Buộc bà Lê Thị T phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại và Nguồn nhân lực H số tiền bảo lãnh là 200.000.000 đồng và tiền lãi suất tính từ ngày 20-10-2022 đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải bồi thường số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng tư vấn du học, hợp đồng bảo lãnh. Xét thấy, hợp đồng bảo lãnh là để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng tư vấn du học nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng tư vấn du học*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Thẩm quyền giải quyết: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn H2 đã tự ý bỏ học và bỏ trốn tại Hàn Quốc. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.3]. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn bà Lê Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn H2 vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và anh H2.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Ngày 22-3-2021, giữa Công ty và anh H2 ký kết Hợp đồng tư vấn du học số: 12/2021/TVDH về việc Công ty tư vấn cho anh Hướng đi du học tại Hàn Quốc. Ngày 17-6-2021, giữa Công ty và bà T ký kết hợp đồng bảo lãnh, nội dung bà T bảo lãnh cho việc thực hiện nghĩa vụ của anh H2 đối với Công ty phát sinh từ hợp đồng tư vấn du học. Xét thấy, hợp đồng tư vấn du học và hợp đồng bảo lãnh phát sinh hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự.

[2.2]. Tại mục 2.2.6 Điều 2 của hợp đồng tư vấn du học, hai bên thỏa thuận “*Kể từ khi được tiếp nhận cho đến khi kết thúc chương trình đào tạo ngôn ngữ tại Trường Đại học Nữ sinh K, bên B (anh H2) có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của nhà trường, đặc biệt là không được bỏ học, rời khỏi trường học và/hoặc cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc. Bên B được coi là bỏ trốn nếu trong 07 ngày bên B không đến lớp và không có lý do chính đáng mà có công văn từ phía trường hoặc giấy chứng nhận chuyên cần của nhà trường thông báo về cho bên A (Công ty) thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và tự nguyện đồng ý chịu phạt cho bên A vô điều kiện với mức tiền phạt được thỏa thuận là 200.000.000 đồng*”. Ngày 20-10-2022, Trường Đại

học Nữ sinh K có Biên bản xác nhận anh H2 đã vắng học trong khoảng thời gian từ ngày 23-9-2022 đến ngày 20-10-2022. Như vậy, anh H2 đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tư vấn du học.

[2.3]. Theo thỏa thuận tại khoản 2 Điều 2 và khoản 3 Điều 4 của hợp đồng bảo lãnh thì bà T có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty do anh H2 vi phạm hợp đồng tư vấn du học với giá trị tài sản bảo lãnh là 200.000.000 đồng. Ngày 20-10-2022, Công ty đã có Công văn số: 05/2022 yêu cầu bà T phối hợp và thực hiện đúng quy định của hợp đồng bảo lãnh nhưng bà T không phản hồi.

[2.4]. Xét thấy, việc anh H2 vi phạm hợp đồng tư vấn du học đã làm phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh của bà T đối với Công ty theo hợp đồng bảo lãnh. Do đó, áp dụng Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc buộc bà T phải bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất kể từ ngày Công ty có văn bản thông báo (20-10-2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (29-9-2023) là 11 tháng 09 ngày theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty chỉ yêu cầu tính lãi trong thời gian 11 tháng, cụ thể: $(200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng}) = 18.260.000 \text{ đồng}$ nên cần ghi nhận.

[2.5]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6]. Từ những vấn đề phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 117, Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại và Nguồn nhân lực H: Buộc bà Lê Thị T phải bồi thường cho Công ty TNHH Thương mại và Nguồn nhân lực H tổng số tiền 218.260.000đ (*hai trăm mười tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*) theo Hợp đồng tư vấn du học số: 12/2021/TVDH ngày 22-3-2021 giữa Công ty TNHH Thương mại và Nguồn nhân lực H với anh Lê Văn H2 và Hợp đồng bảo lãnh ngày 17-6-2021 giữa bên bảo lãnh bà Lê Thị T, bên được bảo lãnh anh Lê Văn H2, bên nhận bảo lãnh Công ty TNHH Thương mại và Nguồn nhân lực H, trong đó tiền gốc là 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*), tiền lãi là 18.260.000đ (*mười tám triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về dân sự sơ thẩm án phí:

2.1. Buộc bà Lê Thị T phải chịu 10.913.000đ (*mười triệu chín trăm mười ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Trả lại cho Công ty TNHH Thương mại và Nguồn nhân lực H số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số X ngày 30-3-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Lê Văn Hữu